TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11111706001	Bùi Thị Hoài	An	200893	110417061								1
2	11111702098	Dương Thị Thùy	An	080793	110417022								1
3	23121602005	Nguyễn Thị Thúy	An	101290	231916021								1
4	21121702001	Hồ Thị Quỳnh	Anh	020893	211917021								1
5	11111702099	Lê Thị Lan	Anh	161193	110417022								1
6	11101401001	Nguyễn Thị Kim	Anh	220991	110314011								1
7	11111702197	Nguyễn Thị Lan	Anh	111193	110417023								1
8	11101401002	Nguyễn Thị Tố	Anh	080791	110314011								1
9	21121602002	Nguyễn Thị Tú	Anh	201294	211916021								1
10	21121601017	Phan Kỳ	Anh	240993	211916011								1
11	11121702001	Sữ Việt	Anh	210594	110517021								1
12	11121702027	Trần Thị Ngọc	Anh	021094	110517021								1
13	11111702004	Lê Thị Ngọc	ánh	170393	110417021								1
14	11121702029	Thái Thị	ánh	220394	110517021								1
15	11111701001	Trần Thị	ánh	221192	110417011								1
16	21121502017	Nguyễn Đình	Bắc	300694	211915021								1
17	21111702137	Trần Thị	Báu	100493	211817022								1
18	11121601002	Nguyễn Thị	Bé	070893	110516011								1
19	23121602013	Hoàng Thị Thanh	Bình	151090	231916021								1
20	13101702005	Trương Thị	Bình	200985	130317021								1
21	11111701003	Võ Thị Thanh	Bình	170493	110417011								1
22	11121602003	Hồ Thị	Cam	150692	110516021								1
23	21121702169	Lê Thị	Cẩm	100594	211917022								1
24	11121602004	Nguyễn Thị	Cảnh	200594	110516021								1
25	21121602003	Nguyễn Thị	Cảnh	270494	211916021								1
26	21121702170	Nguyễn Thị	Chương	080294	211917022								1
27	21121502018	Đặng Hữu	Danh	070494	211915021								1
28	11111601005	Lâm Thị	Đào	130892	110416011								1
29	11111601006	Nguyễn Thị	Đào	101092	110416011								1
30	11111702111	Nguyễn Thị	Đào	170592	110417022								1
31	23121602021	Nguyễn Thị Kim	Diễn	101191	231916022								1
32	11091702013	Nguyễn Văn	Diệu	160191	110317023								1
33	11091702013	Nguyễn Văn	Diệu	160191	110317023								1
34	13121502005	Tô Quang	Định	120590	130515021								1
35	11111502003	Cao Xuân	Duật	081089	110415021								1
36	11111701011	Đậu Anh	Đức	291291	110417011								1
37	21111702144	Dương Thị	Dung	100693	211817022								1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	21121602004	Lê Thị	Dung	020294	211916021								2
2	11111701009	Nguyễn Thị	Dung	050993	110417011								2
3	11111706010	Nguyễn Thị	Dung	100893	110417061								2
4	23121602030	Trương Thị	Dung	050190	231916021								2
5	11111702108	Từ Thị	Dung	100292	110417022								2
6	11111701007	Thái Văn	Dũng	150993	110417011								2
7	11121101001	Lương Thị	Dượng	040394	110511011								2
8	21121702174	Phạm Thị	Duyên	230894	211917022								2
9	11121702036	Thái Thị Mỹ	Duyên	160694	110517021								2
10	11121602059	Trần Thị	Duyên	190393	110516021								2
11	11111602006	Đinh Nữ	Gái	230593	110416021								2
12	11111702112	Phan Thị	Gái	180393	110417022								2
13	11111701013	Lê Thị	Giang	031093	110417011								2
14	11121601004	Lê Xuân	Giang	120394	110516011								2
15	21121702179	Nguyễn Thị	Giang	201194	211917022								2
16	11111706018	Nguyễn Thị Trường	Giang	230293	110417061								2
17	11111706017	Nguyễn Thùy Hương	Giang	180993	110417061								2
18	13121702045	Phan Thị	Giang	110790	130517021								2
19	11101702014	Phan Thị Hà	Giang	060192	110317021								2
20	11121702040	Cao Hoàng	Giáp	131294	110517021								2
21	21121702183	Nguyễn Quốc	Giáp	020894	211917022								2
22	23121602046	Lê Thị	Hà	050486	231916021								2
23	11111706019	Lê Thị Bảo	Hà	250993	110417061								2
24	11111702012	Nguyễn Thị	Hà	100893	110417021								2
25	11121601014	Nguyễn Thị	Hà	070494	110516011								2
26	21121702185	Nguyễn Thị	Hà	201094	211917022								2
27	21121702303	Nguyễn Thị	Hà	101194	211917022								2
28	11111701018	Nguyễn Thị Thu	Hà	190592	110417011								2
29	11111702116	Phạm Thị Thu	Hà	260293	110417022								2
30	11121702043	Phạm Thị Thu	Hà	280494	110517021								2
31	21111702025	Trần Thị	Hà	021093	211817021								2
32	11111602008	Trần Thị Thu	Hà	070793	110416021								2
33	11111701019	Nguyễn Thị	Hải	270593	110417011								2
34	11111701020	Nguyễn Tiến	Hải	020993	110417011								2
35	11101701023	Thiều Xuân	Hải	180391	110317011								2
36	11121101016	Trần Thị Ngọc	Hân	020294	110511011								2
37	11121702048	Cao Thị	Hằng	040894	110517021								2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11111702118	Đinh Thị Mỹ	Hằng	191293	110417022								3
2	11121702050	Lê Thị	Hằng	231193	110517021								3
3	21121702029	Nguyễn Cẩm	Hằng	201294	211917021								3
4	11111702016	Nguyễn Thị	Hằng	200693	110417021								3
5	21121602057	Nguyễn Thị	Hằng	081194	211916021								3
6	11111702217	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	050493	110417023								3
7	21121702305	Phan Thị Thủy	Hằng	210593	211917022								3
8	11121101002	Dương Thị Mỹ	Hạnh	250294	110511011								3
9	11121602007	Lê Thị	Hạnh	100393	110516021								3
10	11111602011	Nguyễn Thị	Hạnh	200392	110416021								3
11	21121702026	Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	260794	211917021								3
12	11121702047	Nguyễn Văn	Hào	200393	110517022								3
13	21121601025	Nguyễn Hồng	Hảo	050893	211916011								3
14	23121602064	Nguyễn Thị	Hảo	100184	231916021								3
15	21121702188	Trần Thị	Hảo	270494	211917022								3
16	21121702325	Trương Thị	Hậu	031194	211917021								3
17	11111701022	Hà Thị	Hiên	190593	110417011								3
18	11121602060	Hoàng Thị	Hiền	240493	110516021								3
19	11101702028	Lê Thị	Hiền	210692	110417021								3
20	21121702031	Lê Thị	Hiền	110894	211917021								3
21	11111702123	Phạm Thị	Hiền	161093	110417022								3
22	11111702019	Trần Thị	Hiền	050893	110417021								3
23	21121702033	Trần Thị	Hiền	191294	211917021								3
24	21121702034	Trần Thị Thu	Hiền	261094	211917021								3
25	11111701024	Phan Xuân	Hiển	070293	110417011								3
26	11111706022	Đặng Thị	Hiếu	081293	110417061								3
27	21121502019	Lê Đình	Hiếu	230994	211915021								3
28	11111702124	Nguyễn Thị	Hiếu	231192	110417022								3
29	13121602052	Biện Thị	Hoa	050689	130516021								3
30	13121702072	Đậu Thị	Hoa	240889	130517021								3
31	21121702193	Lê Thị Mỹ	Hoa	010194	211917022								3
32	11121101017	Lê Thị Quỳnh	Hoa	080894	110511011								3
33	13111702059	Lê Trọng	Hoa	070789	130417021								3
34	11111601016	Nguyễn Thị	Hoa	120293	110416011								3
35	21121702039	Nguyễn Thị	Hoa	081293	211917021								3
36	11121602010	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	201093	110516021								3
37	11111702127	Phạm Thị	Hoa	260793	110417022								3
38	11121702185	Phan Thị	Hoa	150694	110517021								3
39	21121702041	Trần Thị Kim	Hoa	260294	211917021								3
40	11121111027	Trần Thị Thanh	Hoa	100394	110511111								3
41	11111702128	Võ Thị	Hoa	100293	110417022								3
42	21101702038	Nguyễn Thị	Hòa	040590	211717021								3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
43	11111702224	Lê Thị	Hoài	140993	110417023								3
44	11111702020	Lê Thị Thanh	Hoài	190593	110417021								3
45	21121702045	Lê Thị Thanh	Hoài	100894	211917021								3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11111601017	Nguyễn Thị	Hoài	200892	110416011								4
2	21121602059	Nguyễn Thị	Hoài	041193	211916021								4
3	11111601018	Phan Thị	Hoài	040193	110416011								4
4	11111702022	Trịnh Thu	Hoài	190293	110417021								4
5	11111702021	Võ Thị	Hoài	030493	110417021								4
6	21121702199	Lê Ngọc	Hoàng	020394	211917022								4
7	21121702202	Thân Nhật	Hoàng	041193	211917022								4
8	11111702023	Lê Thị	Hồng	201191	110417021								4
9	11121602012	Lê Thị	Hồng	080394	110516021								4
10	21121602015	Lê Thị	Hồng	110394	211916021								4
11	21121702203	Phạm Thị	Hồng	070694	211917022								4
12	11111702131	Tôn Thị	Hồng	200593	110417022								4
13	11121702177	Trác Thị	Hồng	161094	110517022								4
14	21121601030	Đặng Thị	Hợp	060894	211916011								4
15	21121602016	Nguyễn Thị	Huệ	090493	211916021								4
16	11111706026	Nguyễn Thị Minh	Huệ	150893	110417061								4
17	11111701015	Dương Thị Thu	Hương	120393	110417011								4
18	11121702070	Lê Thị	Hương	170393	110517021								4
19	21121502006	Lê Thị	Hương	060694	211915021								4
20	11121702072	Nguyễn Thị	Hương	041094	110517021								4
21	21121702215	Nguyễn Thị	Hương	141093	211917022								4
22	21121702059	Phạm Thị	Hương	110794	211917021								4
23	11111702137	Trần Thị	Hương	180592	110417022								4
24	21121702218	Trần Thị Thu	Hương	190594	211917022								4
25	21121601032	Võ Thị	Hương	130494	211916011								4
26	21121702220	Trần Thị	Hường	211094	211917022								4
27	11111702226	Hà Thị	Huyền	010193	110417023								4
28	21121702210	Hồ Thị	Huyền	260794	211917022								4
29	11121702064	Lại Thị	Huyền	151294	110517021								4
30	21111702291	Lê Khánh	Huyền	201193	211817023								4
31	11121706008	Lê Thị	Huyền	140394	110517061								4
32	11121602013	Lê Thị Thu	Huyền	240894	110516021								4
33	11121702004	Nguyễn Thị	Huyền	170794	110517021								4
34	23121602120	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	080987	231916024								4
35	11111702027	Phạm Thị	Huyền	160393	110417021								4
36	11121702066	Phạm Thị Thu	Huyền	251094	110517021								4
37	11121601007	Thái Thị Thanh	Huyền	100594	110516011								4

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11111702028	Trần Thị	Huyền	270793	110417021								5
2	11111701026	Trần Thị Thanh	Huyền	120993	110417011								5
3	11111706030	Dương Quốc	Khánh	180892	110417061								5
4	11101401019	Lê Thị	Khánh	020491	110314011								5
5	11111502007	Hồ Huy	Khoa	040589	110415021								5
6	11111602015	Hồ Thị	Kiều	200593	110416021								5
7	21121702307	Hoàng Thị	Lài	011094	211917022								5
8	13111702093	Hoàng Thị	Lan	200986	130417021								5
9	21121602062	Trần Thị	Lành	021094	211916021								5
10	11121602016	Nguyễn Thị Hoa	Lê	011094	110516021								5
11	13121702120	Võ Thị	Lệ	100685	130517022								5
12	11111602021	Hoàng Thị	Liêm	080491	110416021								5
13	11111702035	Đặng Thị	Liên	290492	110417021								5
14	11121101004	Lê Thị	Liên	010593	110511011								5
15	11111602022	Nguyễn Thị	Liên	020690	110516021								5
16	11111702140	Nguyễn Thị	Liên	111293	110417022								5
17	11111702237	Nguyễn Thị	Liên	080593	110417023								5
18	11121602017	Nguyễn Thị	Liên	250293	110516021								5
19	21121602019	Nguyễn Thị	Liên	021194	211916021								5
20	11121702076	Nguyễn Thị Kim	Liên	110394	110517021								5
21	11111702036	Trần Thị	Liên	060493	110417021								5
22	11121702008	Bùi Thị	Liệu	050393	110517021								5
23	11111701033	Tô Thị Thu	Liệu	060993	110417011								5
24	11121702078	Bùi Thị Thùy	Linh	030594	110517021								5
25	21121702225	Bùi Thị Thùy	Linh	010593	211917022								5
26	11111702037	Lê Thị	Linh	011293	110417021								5
27	11121702186	Lê Thị	Linh	200194	110517021								5
28	21121702226	Lê Thị Thùy	Linh	150694	211917022								5
29	11111702038	Nguyễn Thị	Linh	100893	110417021								5
30	11111401005	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	120392	110414011								5
31	11121602018	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	290994	110516021								5
32	11111701032	Nguyễn Văn Việt	Linh	101192	110417011								5
33	23121602144	Phạm Thị Ngọc	Linh	010187	231916022								5
34	11111601023	Trần Ngọc	Linh	101093	110416011								5
35	11121602019	Nguyễn Thị	Lĩnh	170894	110516021								5
36	11111701036	Lê Thị	Lịnh	220793	110417011								5
37	11111101017	Chu Thị	Loan	130892	110411011								5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11121702082	Hoàng Thị Kim	Loan	200194	110517021								6
2	11111602023	Nguyễn Thị	Loan	020493	110416021								6
3	11121602020	Nguyễn Thị	Loan	200394	110516021								6
4	11121602021	Nguyễn Thị	Loan	261094	110516021								6
5	13101702033	Nguyễn Thị	Loan	100885	130317021								6
6	23121602149	Nguyễn Thị	Loan	171290	231916023								6
7	11111701031	Mai Hồng	Lộc	240693	110417011								6
8	11111706041	Lê Thị	Long	100293	110417061								6
9	11121702010	Lê Thị	Long	100493	110517021								6
10	11121702084	Nguyễn Thị	Long	160693	110517021								6
11	21121702229	Phan Thị Hoa	Lư	041294	211917022								6
12	11111702240	Dương Thị	Lụa	100193	110417023								6
13	11121602022	Nguyễn Thị	Luyến	300894	110516021								6
14	11111103015	Nguyễn Thị	Lý	160292	110411031								6
15	11121702011	Bùi Thị	Mai	140393	110517021								6
16	11111601025	Hoàng Thị	Mai	160192	110416011								6
17	11121702087	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	200593	110517021								6
18	21111702197	Tôn Thị	Mai	050593	211917021								6
19	21111702316	Trương Thị	Mai	151093	211817023								6
20	11121101019	Phan Đình	Mạnh	061292	110511011								6
21	11111702043	Trịnh Thị Thương	MẾN	171193	110417021								6
22	11111706044	Hồ Sỹ	Minh	121292	110417061								6
23	21111702319	Trần Thị Thủy	Mơ	230293	211817023								6
24	11111702046	Trần Thị Trà	My	180193	110417021								6
25	21121602063	Hồ Thị	Mỹ	100493	211916021								6
26	11101401030	Phạm Xuân	Mỹ	020392	110314011								6
27	11121602025	Phan Thị	Mỹ	140694	110516021								6
28	11111701039	Nguyễn Thị Hồng	Na	030293	110417011								6
29	11121101005	Trần Thị Hồng	Na	050494	110511011								6
30	11121702092	Phan Bá	Nam	021194	110517021								6
31	11121602026	Nguyễn Thị	Nga	030593	110516021								6
32	13121602104	Nguyễn Thị	Nga	120482	130516022								6
33	23111702074	Nguyễn Thị	Nga	200287	231817021								6
34	23121602175	Nguyễn Thị	Nga	201288	231916023								6
35	11111701045	Phạm Thị	Nga	250992	110417011								6
36	13121602106	Trần Thị	Nga	010688	130516022								6
37	11121602027	Lê Thị	Ngân	070994	110516021								6
38	11111103016	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	151093	110411031								6
39	11121702098	Trần Thị Hoa	Ngân	040994	110517022								6
40	21101604018	Trần Huy	Nghị	130790	211716041								6
41	23121602179	Đặng Thị	Nghĩa	160987	231916023								6
42	21121602029	Nguyễn Thị	Ngọc	301094	211916021								6

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
43	21111702330	Phan Thị	Ngọc	160793	211817023								**6**
44	21121602065	Phan Thị ánh	Ngọc	071094	211916021								**6**
45	21101104034	Trương Thị	Ngọc	161092	211711041								**6**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11101701050	Phan Nhật	Nguyên	150490	110317011								7
2	11111702247	Nguyễn Thị	Nguyệt	200493	110417023								7
3	23121602184	Nguyễn Thị	Nguyệt	150792	231916023								7
4	21111101019	Nguyễn Thị	Nhâm	120593	211811011								7
5	11111101023	Lê Đức	Nhân	100693	110411011								7
6	11111706049	Nguyễn Huy	Nhân	241188	110417061								7
7	11111702253	Cù Thị Hoài	Như	260393	110417023								7
8	21121602066	Ngô Thị	Như	261294	211916021								7
9	11141702096	Đặng Thị Cẩm	Nhung	231193									7
10	11111702054	Hà Thị	Nhung	080692	110417021								7
11	11121702106	Lê Thị Hồng	Nhung	130693	110517022								7
12	11121702107	Phan Thị Hồng	Nhung	130194	110517022								7
13	11111702251	Trần Thị Hồng	Nhung	120593	110417023								7
14	11121702184	Nguyễn Thị	Nữ	101293	110517021								7
15	11111706052	Đậu Thị	Oanh	060493	110417061								7
16	11111601032	Hà Thị	Oanh	140492	110416011								7
17	11121702109	Lê Thị Kim	Oanh	280294	110517022								7
18	11111103017	Nguyễn Thị	Oanh	010293	110411031								7
19	11121602030	Nguyễn Thị	Oanh	241194	110516021								7
20	23121602199	Nguyễn Thị	Oanh	110592	231916023								7
21	11121702111	Trần Thị	Oanh	250994	110517022								7
22	23121602200	Trần Thị Kim	Oanh	101091	231916023								7
23	21111702337	Nguyễn Duy	Phúc	101193	211817021								7
24	21121706004	Nguyễn Tiến	Phúc	071093	211917021								7
25	23111702085	Trần Huy	Phúc	150988	231817021								7
26	23121602203	Lê Thị	Phương	020591	231916023								7
27	11121101021	Nguyễn Thị	Phương	101194	110511011								7
28	11111702058	Nguyễn Thị Mai	Phương	210292	110417021								7
29	11121602033	Trần Thị Mai	Phương	051094	110516021								7
30	21121702104	Trịnh Lan	Phương	161094	211917021								7
31	21121702105	Đậu Thị	Phượng	150894	211917021								7
32	11121602062	Hồ Thị Ngọc	Phượng	020894	110516021								7
33	11121601015	Hoàng Thị	Phượng	121094	110516011								7
34	21121702254	Lê Thị	Phượng	210994	211917022								7
35	11111706054	Nguyễn Thị	Phượng	010393	110417061								7
36	13121702194	Nguyễn Thị	Phượng	010590	130517023								7
37	11121602034	Võ Thị	Phượng	200393	110516021								7

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	21121702322	Trác Văn	Quảng	060393	211917022								8
2	11121702121	Võ Thị	Quy	200793	110517022								8
3	11121602036	Nguyễn Thị	Quý	120994	110516021								8
4	21131702151	Nguyễn Thị	Quý	101194	212017021								8
5	11111502012	Trần Đăng	Quý	200692	110415021								8
6	11121602037	Phạm Thị Lệ	Quyên	280894	110516021								8
7	21131602039	Chu Hương	Quỳnh	091294	212016021								8
8	23121602211	Dương Thị	Quỳnh	200889	231916023								8
9	11121602063	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	101093	110516021								8
10	11111601039	Nguyễn Văn	Sang	180692	110416011								8
11	21121702258	Đặng Danh	Sáng	120194	211917022								8
12	11111706058	Nguyễn Duy Hoành	Sơn	060693	110417061								8
13	11111702263	Lê Thị Hoài	Sương	061092	110417023								8
14	11121702016	Đinh Quang	Tài	141185	110517021								8
15	11121702017	Dương Thị Thanh	Tâm	010894	110517021								8
16	11121602043	Nguyễn Thị	Thắm	240694	110516021								8
17	21101702084	Hoàng Thị	Thanh	030992	211817022								8
18	11121602040	Nguyễn Thị	Thành	161093	110516021								8
19	11121702127	Trần Thị	Thành	020294	110517022								8
20	11101401039	Bùi Thị	Thảo	200391	110314011								8
21	13111702158	Đặng Thị Xuân	Thảo	140586	130417022								8
22	23121702109	Dương Thị	Thảo	280789	231917022								8
23	21131702075	Nguyễn Phương	Thảo	030395	212017021								8
24	11121602041	Nguyễn Thi	Thảo	291193	110516021								8
25	11111401012	Nguyễn Thị	Thảo	081093	110414011								8
26	11121101006	Nguyễn Thị	Thảo	261294	110511011								8
27	13121702211	Nguyễn Thị	Thảo	150889	130517023								8
28	13121602145	Phan Thị	Thảo	241090	130516023								8
29	11101102029	Trần Thị	Thảo	290692	110311021								8
30	11121702133	Hoàng Thị	Thiện	250393	110517022								8

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11111601041	Hoàng Thị	Thơ	120692	110416011								9
2	11121601016	Nguyễn Thị	Thơ	271294	110516011								9
3	11121702020	Trần Thị Cẩm	Thơ	020994	110517021								9
4	13101702050	Nguyễn Thị	Thỏa	300484	130317021								9
5	11121702137	Nguyễn Thị	Thơm	100194	110517022								9
6	11121101007	Lê Thị Minh	Thông	160794	110511011								9
7	21111702102	Nguyễn Thị	Thu	031093	211817021								9
8	21121702270	Nguyễn Thị	Thu	080894	211917022								9
9	21121702271	Nguyễn Thị	Thu	110894	211917022								9
10	21121702368	Nguyễn Thị	Thu	130294	211917021								9
11	21121702273	Nguyễn Thị Hoài	Thu	070594	211917022								9
12	11111702079	Đặng Thị	Thư	251293	110417021								9
13	21121702126	Trương Thị	Thuấn	160493	211917021								9
14	11121602064	Bùi Thị	Thương	290394	110516021								9
15	11111601047	Lê Thị Hồng	Thương	040493	110416011								9
16	11121702152	Nguyễn Thị Hoài	Thương	031094	110517022								9
17	11121101008	Nguyễn Thị Quỳnh	Thương	190994	110511011								9
18	13121602161	Phạm Thị	Thương	160190	130516023								9
19	11111702281	Phan Thị	Thương	160493	110417023								9
20	11121602050	Trần Thị	Thương	260993	110516021								9
21	23121602258	Nguyễn Thị	Thúy	301285	231916024								9
22	11111702076	Nguyễn Thị Thu	Thùy	160992	110417021								9
23	11121601017	Dương Thị	Thủy	010693	110516011								9
24	11121602045	Hồ Thị	Thủy	150994	110516021								9
25	11111702176	Nguyễn Thị	Thủy	110993	110417022								9
26	11121602046	Nguyễn Thị	Thủy	090694	110516021								9
27	23121602253	Nguyễn Thị	Thủy	050488	231916024								9
28	13121602157	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	230391	130516023								9
29	21111702108	Trần Thị	Thủy	010592	211817021								9
30	23121602261	Hồ Thị	Tịnh	240785	231916024								9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
HỘI ĐỒNG THI CHUẨN ĐẦU RA 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
Môn thi Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Kì thi tháng 7/2015
Ca thi; Sáng/ Chiều/ Tối, ngày …/…./2015 Phòng thi số:

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm					Ký tên	Ghi chú	Phòng
						N 1	N 2	N 3	N 4	Đọc			
1	11141702130	Hồ Thị Huyền	Trâm	170193									10
2	11121602053	Hoàng Thị	Trâm	200893	110516021								10
3	11121602054	Nguyễn Thị Minh	Trâm	100593	110516021								10
4	11121101009	Đặng Thị Quỳnh	Trang	120693	110511011								10
5	13111702196	Đậu Thị Huyền	Trang	130489	130417022								10
6	23121602265	Hoàng Thị	Trang	011190	231916024								10
7	13121602164	Lê Thị	Trang	101089	130516023								10
8	11111701059	Lê Thị Quỳnh	Trang	300693	110417011								10
9	11121602051	Nguyễn Thị	Trang	090793	110516021								10
10	11121602066	Nguyễn Thị	Trang	190892	110516021								10
11	13121702240	Nguyễn Thị	Trang	201286	130517023								10
12	21121702286	Nguyễn Thị	Trang	270994	211917022								10
13	11111602040	Phạm Thị Hoài	Trang	030492	110416021								10
14	11121702023	Trần Thị Quỳnh	Trang	010993	110517021								10
15	11101401057	Võ Minh	Trang	201191	110314011								10
16	11121702157	Vũ Thị Huyền	Trang	191294	110517022								10
17	11121702167	Phan Thị Thanh	Tú	191094	110517022								10
18	13121702257	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	121098	130517023								10
19	11121101024	Nguyễn Thị Thu	Tươi	020294	110511011								10
20	11111702290	Trần Thị	Tươi	090493	110417023								10
21	11101101046	Nguyễn Hài	Tương	010891	110411011								10
22	11111702191	Lương Thị	Tuyết	261092	110417022								10
23	11111602045	Mai Thị	Tuyết	220492	110416021								10
24	11121101028	Nguyễn Thị Pa	Ty	080692	110511011								10
25	21121702295	Mai Hoàng Hạ	Uyên	220894	211917022								10
26	13121602178	Thái Thị	Vân	010983	130516023								10
27	23121602285	Trần Thị	Vân	200790	231916024								10
28	11141702021	Trần Thị	Vân	160492									10
29	11111101034	Nguyễn Đình	Việt	301093	110411011								10
30	21111702125	Phan Cao	Việt	010393	211817021								10
31	21111110017	Lê Thị	Vinh	150893	211811101								10
32	21121502027	Nguyễn Tuấn	Vũ	141194	211915021								10
33	11111502022	A Nùng Thon Thả Lăn	Xí	170191	110415021								10
34	11121602055	Nguyễn Thị	Xoan	190894	110516021								10
35	11111502028	Chua Vàng Xìa	Xua	090792	110415021								10
36	11121602056	Trần Thị	Xuân	201294	110516021								10
37	11111702293	Kiều Thị	Xuyến	020993	110417023								10
38	21131602060	Nguyễn Thị	Yến	060995	212016021								10

Số thí sinh trong DS: ……..
Số thí sinh dự thi: ……

Hà Tĩnh, ngày … tháng 7 năm 2015

KT. CT HỘI ĐỒNG